

Bản án số: 140/2021/HS-PT

Ngày: 10-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Long

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 358/2019/TLPT-HS ngày 05 tháng 7 năm 2019, đối với bị cáo Võ Thị Thuý O, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2019/HS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2021/QĐPT-HS ngày 20 tháng 01 năm 2021.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Võ Thị Th. O, sinh năm 1968 tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: tổ 5, phường N. T, thị xã G. N, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Nguyên Phó Hiệu trưởng Trường THCS NBK; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ P và bà Trương Thị L (đã chết); Có chồng là Đặng Hữu G và 02 người con; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2018 đến ngày 12/10/2018 được tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị Th. O: Ông Huỳnh Đạt, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Hoài An, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Nông (vắng mặt tại phiên tòa nhưng có gửi bài bào chữa).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Trương Thị Th. Q bị Toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Tham ô tài sản” có kháng cáo, nhưng đã rút và Toà án cấp phúc thẩm đã ra thông báo về việc rút kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trường Trung học cơ sở NBK được thành lập theo Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 13/8/2002 của UBND huyện Đắk Nông, là đơn vị sự nghiệp, cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu riêng; thực hiện nhiệm vụ quản lý giáo dục và giảng dạy học sinh và chịu sự quản lý, lãnh đạo trực tiếp của Phòng giáo dục và đào tạo thị xã GN có trụ sở tại thuộc tổ 2, phường Nghĩa Tân, thị xã GN.

Ngày 24/4/2014, Võ Thị Th. O được bổ nhiệm chức vụ Phó hiệu trưởng và được Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã GN phân công phụ trách. Đến ngày 29/4/2014 đăng ký chủ tài khoản với Kho bạc Nhà nước tỉnh Đắk Nông, đến ngày 10/6/2015 bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng.

Tháng 3/2014, Trương Thị Th. Q được điều động từ trường mầm non HH thuộc tổ 7, phường N. T, thị xã GN đến trường THCS NBK làm nhiệm vụ Kế toán của trường, đến ngày 23-12-2014 được UBND thị xã GN quyết định giao phụ trách kế toán và đăng ký chữ ký với Kho bạc Nhà nước tỉnh Đắk Nông. Trong thời gian từ năm 2014 đến 2015, O cùng với Q lập chứng cứ khống rút tiền của nhà nước chiếm đoạt sử dụng vào việc cá nhân, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Quá trình quản lý ngân sách của trường, Q thấy một số khoản tiền chưa được chi tiêu sử dụng theo quy định, đến hết năm không sử dụng hết phải trả lại ngân sách nhà nước. Do đó, tháng 12/2014, Q tham mưu cho O lập một số chứng từ khống rút tiền về để sử dụng cho mục đích cá nhân, O đồng ý và giao cho Q thực hiện. Sau khi được sự đồng ý của O, Q đến cửa hàng cơ khí điện máy BH tại số 36 Trương Định, phường N. T, thị xã GN do bà Nguyễn Thị Hồng H làm chủ nhờ bà H ký Hợp đồng kinh tế số 41 ngày 19/8/2014 với nội dung cửa hàng cơ khí điện máy BH bán cho Trường THCS NBK sơn nước để sơn 30 phòng học với số lượng 700m², đơn giá 139.000 đồng/m², thành tiền là 97.300.000 đồng; 01 biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng; bảng báo giá. Sau khi xem qua, bà H nói Đỗ Thị M, là con dâu bà H ký thay bà H, ký xong các thủ tục trên M xuất hóa đơn bán hàng mang số 15216 ngày 22/12/2014 cho Q. Làm xong Q mang các giấy tờ này về để O ký duyệt và chuyển hồ sơ đến Kho bạc Nhà nước tỉnh Đắk Nông làm thủ tục thanh toán. Đến ngày 09/02/2015, Kho bạc Nhà nước tỉnh Đắk Nông thanh toán bằng hình thức ủy nhiệm chi số tiền 97.300.000 đồng vào tài khoản số 5300205165463 của bà Nguyễn Thị Hồng H mở tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đắk Nông. Sau đó, bà H rút tiền mặt về, rồi thông báo cho Q đến lấy, bà H trừ 07% tiền thuế xuất hóa đơn là 6.811.000 đồng, còn lại số 83.589.000 đồng đưa cho Q, Q mang về không nhập quỹ, sau đó O và Q đã sử dụng cá nhân hết.

Lần thứ 2: Năm 2014, Phan Thị Sao M và Lê Thanh B (trú tại tổ 6, phường Nghĩa Tân, thị xã GN) mở Trung tâm tin học viễn thông B Minh tại tổ 2, phường Nghĩa Tân, thị xã GN do Lê Thanh B (B là chồng của Sao M) làm đại diện theo pháp luật. Tuy nhiên, mọi hoạt động đều do Phan Thị Sao M điều hành. Ngành nghề chính là chuyên cung cấp, sửa chữa, thay thế thiết bị tin học cho các đơn vị có nhu cầu, trong đó có Trường THCS NBK. Từ khi thành lập cho đến khi ngừng hoạt động (năm 2015), Trung tâm tin học viễn thông B Minh với trường THCS NBK nhiều lần ký kết hợp đồng kinh tế để cung cấp, sửa chữa, thay thế thiết bị tin học. Đến khoảng cuối tháng 10/2014, đối chiếu công nợ giữa Trường THCS NBK với Trung tâm tin học viễn thông B Minh thì Trường THCS NBK còn nợ Trung tâm tin học viễn thông B Minh với tổng số tiền là 38.040.000 đồng. Căn cứ vào công nợ này, sau khi được sự đồng ý của O, khoảng tháng 12/2014, Q trực tiếp soạn thảo Hợp đồng kinh tế số 45/HĐKT ghi ngày 21/10/2014 với nội dung Trung tâm tin học viễn thông B Minh cung cấp cho Trường THCS NBK 14 mặt hàng về thiết bị vi tính gồm: thay nguồn máy tính, phần mềm BKAV, loa SM A850, hộp mực máy in 12A, sửa chữ, cài win, ram máy, dây mạng, Switch tenda 8port, bao lụa, chuột có dây, từ, bàn phím, sạc mực máy in và máy in 2 mặt canon, tổng thành tiền là 62.960.000 đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, bảng báo giá mang đến nhờ M ký vào bên cung cấp hàng. Sau khi xem qua, M thấy 02 mặt hàng là thay nguồn máy tính, với số lượng 35 cái, giá 580.000đồng/cái, thành tiền là 20.300.000 đồng và phần mềm BKAV, số lượng 54 cái, giá 350.000đồng/cái, thành tiền 18.900.000 đồng, thực tế Trung tâm tin học viễn thông B Minh chưa cung cấp. Tuy nhiên, do quen biết, làm ăn lâu năm và để thu hồi nợ nên M đồng ý ký vào hợp đồng kinh tế số 45/HĐKT, biên bản nghiệm thu và thanh lý, bảng báo giá, sau đó xuất hóa đơn số 0012480 ngày 25/10/2014 cho Q. Làm xong, Q mang về để O ký duyệt và chuyển hồ sơ đến Kho bạc Nhà nước tỉnh Đắk Nông làm thủ tục thanh toán. Đến ngày 09/02/2015, Kho bạc Nhà nước tỉnh Đắk Nông thanh toán bằng hình thức ủy nhiệm chi số tiền 62.960.000 đồng vào tài khoản số 635100001150008 của Lê Thanh B mở tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đắk Nông. Sau khi có tiền, M rút tiền mặt ra rồi thông báo cho Q, Q đến gặp M thanh toán số nợ cũ là 23.760.000 đồng, còn lại 39.200.000 đồng mang về, không nhập quỹ, sau đó O và Q đã sử dụng vào việc cá nhân hết.

Lần thứ 3: Khoảng tháng 3/2015, cùng với hình thức trên, Q trực tiếp soạn thảo Hợp đồng kinh tế số 02/HĐSC ngày 11/3/2015 với nội dung Trung tâm tin học viễn thông B Minh cung cấp cho Trường THCS NBK 13 mặt hàng gồm thay nguồn máy tính, phần mềm BKAV, loa SM A850, hộp mực máy in 12A, sửa chữa, cài win, drum máy, dây mạng, Switch Tenda 8 port, bao lụa, chuột có dây, từ, bàn phím, sạc mực máy in, tổng thành tiền là 53.480.000 đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, bảng báo giá, giấy đề nghị thanh toán mang đến nhờ M ký vào bên cung cấp hàng. Sau khi xem qua, M thấy 02 mặt hàng là thay nguồn máy tính, với số lượng 35 cái, giá 580.000đồng/cái, thành tiền là 20.300.000 đồng và phần

mềm BKAIV, số lượng 54 cái, giá 350.000đồng/cái, thành tiền 18.900.000 đồng, thực tế Trung tâm tin học viễn thông B Minh chưa cung cấp. Tuy nhiên, M vẫn đồng ý ký vào hợp đồng kinh tế số 02/HĐSC, biên bản nghiệm thu và thanh lý, bảng báo giá, giấy đề nghị thanh toán, sau đó xuất hóa đơn số 0055370 ngày 11/3/2015. Làm xong, Q mang về để O ký duyệt và chuyển hồ sơ đến Kho bạc Nhà nước tỉnh Đắk Nông làm thủ tục thanh toán. Đến ngày 18/5/2015, Kho bạc Nhà nước tỉnh Đắk Nông thanh toán bằng hình thức ủy nhiệm chi số tiền 53.480.000 đồng vào tài khoản số 635100001150008 của Lê Thanh B mở tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Đắk Nông. Sau khi có tiền, M rút tiền mặt ra rồi thông báo cho Q, Q đến gặp M thanh toán số nợ cũ là 14.280.000 đồng, còn lại 39.200.000 đồng mang về, không nhập quỹ, sau đó O và Q đã sử dụng vào việc cá nhân hết.

Như vậy, tổng số tiền mà O và Q đã thống nhất lập chứng từ không tại Trung tâm tin học viễn thông B Minh và cửa hàng cơ khí điện máy BH để chiếm đoạt của Nhà nước 175.700.000 đồng.

Quá trình điều tra, O và Q thừa nhận có lập không hồ sơ chứng từ để rút tiền từ ngân sách nhà nước là 175.700.000 đồng, khi rút tiền về không nhập quỹ, O giao cho Q cất giữ. Theo lời khai của O và Q đã chi vào các hoạt động chung của nhà trường như là liên hoan chia tay giáo viên nghỉ hưu, chi liên hoan sơ kết, tổng kết, mời cơm các đoàn thanh tra, tổ chức tất niên và một số hoạt động chung khác (không có chứng cứ chứng minh).

Quá trình điều tra còn thể hiện, ngoài việc O và Q cấu kết lập các chứng từ không để chiếm đoạt số tiền 175.700.000 đồng, Q còn lập không hồ sơ chi lương của giáo viên để chiếm đoạt số tiền 46.684.732 đồng. Cụ thể như sau:

Tháng 8/2015, cô Trần Thị T. O, giáo viên trường THCS NBK xin nghỉ không hưởng lương để điều trị bệnh, bắt đầu từ tháng 9/2015 đến tháng 4/2016. Tuy nhiên, quá trình thực hiện các thủ tục để trả lương cho các giáo viên, Q vẫn lập danh sách, các chứng từ thanh toán tiền lương cho cô T. O. Sau khi được hiệu trưởng trường (Võ Thị Th. O) ký duyệt bảng lương, Q chuyển kho bạc để được thanh toán. Sau khi được kho bạc thanh toán, Q lập bảng kê đưa lên Chi nhánh Ngân hàng Phát triển và Đầu tư Đắk Nông để trả lương qua tài khoản cho các giáo viên, đối với khoản lương của cô T. O, Q chuyển toàn bộ vào tài khoản của Q. Tổng số tiền lương của cô T. O mà Q đã chiếm đoạt là 42.774.962 đồng (từ tháng 9/2015 đến tháng 4/2016).

Tháng 11/2015, cô Cao Thị Thanh L, giáo viên trường THCS NBK nghỉ chế độ thai sản, bắt đầu từ tháng 12/2015 đến tháng 4/2016. Theo quy định, thời gian nghỉ sinh, cô L chỉ hưởng phụ cấp ưu đãi theo chế độ mỗi tháng là 1.207.500 đồng, khoản lương chính mỗi tháng 3.909.770 đồng sẽ không được hưởng. Tháng 12/2015, Q vẫn lập các thủ tục thanh toán lương cho cô L đầy đủ, tuy nhiên khi lập bảng kê chuyển ngân hàng để trả lương cho giáo viên, Q chuyển số tiền

5.117.270 đồng là tiền lương tháng 12/2015 của cô L vào tài khoản của Q (trong đó tiền phụ cấp ưu đãi là 1.207.500 đồng; lương chính là 3.909.770 đồng). Đến tháng 01/2016, đối với số tiền 1.207.500 đồng (tiền phụ cấp), Q đã trả lại cho cô L.

Đối với Võ Thị Th. O, do tin tưởng về nghiệp vụ kế toán của Q, khi Q trình ký duyệt bảng lương không kiểm tra lại nên không biết Q đã lợi dụng chức vụ được giao chi lương cô Trần Thị T. O và cô Cao Thị Thanh L không đúng chế độ để chiếm đoạt số tiền là 46.684.732 đồng.

Như vậy tổng số tiền mà Võ Thị Th. O đã chiếm đoạt của nhà nước phải chịu trách nhiệm hình sự là 175.700.000 đồng, Trương Thị Th. Q là 222.384.732 đồng (gồm số tiền 175.700.000 đồng và 46.684.732 đồng).

Đối với Võ Thị Th. O khi ký bảng lương không biết Q đã làm khống để chiếm đoạt số tiền 46.684.732 đồng, có dấu hiệu của tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, quy định tại Điều 360 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, số tiền mà Q chiếm đoạt là 46.685.732 đồng, không đủ định lượng để xử lý hình sự đối với Võ Thị Th. O.

Đối với hành vi của Nguyễn Thị Hồng H và Phan Thị Sao M có hành vi giúp sức cho O và Q lập chứng từ khống để chiếm đoạt tiền của nhà nước. Tuy nhiên, H và Sao M không hưởng lợi ích gì, chủ yếu giúp O và Q là do cả nể và là mối làm ăn quen biết từ trước và để lấy được nợ. Hiện tại, H cũng đã nộp lại số tiền bán hóa đơn cho các bị cáo O và Q nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông không xử lý hình sự H và Sao M.

Tại Bản cáo trạng số 15/CT-VKS-P3 ngày 07/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố các bị cáo: Võ Thị Th. O và Trương Thị Thùy Quyền về tội “Tham ô tài sản” theo quy định điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại bản án sơ thẩm số 21/2017/HSST ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Võ Thị Th. O và Trương Thị Th. Q phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

[1.1] Xử phạt Võ Thị Th. O 04 (bốn) năm tù, tính từ ngày bị bắt thi hành án và được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2018 đến ngày 12/10/2018.

[1.2] Xử phạt Trương Thị Th. Q 05 (năm) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

Tổng hợp hình phạt 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại Bản án số 53/2017/HS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã GN, buộc Trương Thị Th. Q phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 13 (mười ba) năm tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/7/2017.

[2] Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; căn cứ khoản 2 khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 46.685.732 (bốn mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi hai) đồng do gia đình bị cáo Trương Thị Th. Q nộp khắc phục hậu quả và số tiền 5.351.500 (năm triệu ba trăm năm mươi một nghìn năm trăm) đồng do bà Nguyễn Thị Hồng H giao nộp (các khoản tiền này đã được nộp theo ủy nhiệm chi số 03 ngày 27/3/2019 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Đắk Nông).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/6/2019, bị cáo Võ Thị Thuý O kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem lại tội danh và giảm nhẹ hình phạt. Lý do kháng cáo mà bị cáo đưa ra là:

Thứ nhất, bị cáo không chiếm đoạt số tiền 175.700.000 đồng, mà toàn bộ số tiền này được sử dụng cho các hoạt động của nhà trường. Thời gian đã lâu nên hiện nay các tài liệu, chứng từ không còn, tuy nhiên có sự xác nhận Chủ tịch Công đoàn; các thầy cô giáo là Phạm TH, Nguyễn TP, Nguyễn TL, Tạ MD, Nguyễn VĐ; dịch vụ nấu ăn HL và nhà hàng S;

Thứ hai, bị cáo không phải là người trực tiếp quản lý số tiền 175.700.000 đồng, mà số tiền này thuộc sự quản lý của Kho bạc Nhà nước tỉnh Đắk Nông, được chuyển vào tài khoản của Cửa hàng cơ khí BH và Trung tâm tin học viễn thông B Minh. Do đó, buộc bị cáo phạm tội “Tham ô tài sản” là không đúng;

Thứ ba, cùng hành vi này trước đây bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính, nhưng nay lại bị truy cứu trách nhiệm hình sự là không đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Võ Thị Thuý O đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện, giống như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, nhưng cho rằng bị cáo không chiếm hưởng nên hành vi của bị cáo không phạm tội “Tham ô tài sản”. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Về tội danh: Bị cáo O là hiệu trưởng, đã cùng bị cáo Q là kế toán trưởng, 02 lần lập các chứng từ khống rút 175.700.000 đồng từ tài khoản của nhà trường, chi

xài cho mục đích cá nhân. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo O về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Về hình phạt: Bị cáo có nhân thân tốt, trong quá trình công tác được tặng thưởng nhiều giấy khen, bằng khen; có bà ngoại là Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng, 02 câu ruột là Liệt sỹ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tại “Luận cứ phúc thẩm” đề ngày 09/3/2021 của Luật sư bào chữa cho bị cáo có các nội dung sau đây:

- Trên cơ sở đề xuất tại Công văn số 555/CV-CQCSĐT(CSKT) ngày 05/9/2016 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đắk Nông, Chủ tịch UBND thị xã GN đã ban hành Quyết định xử phạt hành chính đối với bị cáo O số 833/QĐ-XPVPHC ngày 14/9/2017 và bị cáo đã thi hành xong. Nay truy cứu trách nhiệm hình sự là một hành vi bị xử phạt 02 lần. Mặt khác, khi khởi tố vụ án này, Cơ quan điều tra không ban hành quyết định huỷ quyết định không khởi tố vụ án đã ban hành trước đó (tức Công văn 555/CV-CQCSĐT(CSKT)) là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Quyết định xử phạt hành chính số 833/QĐ-XPVPHC ban hành ngày 14/9/2017, nhưng Quyết định số 1050/QĐ-UBND về việc huỷ bỏ Quyết định số 833/QĐ-XPVPHC được ban hành ngày 31/10/2018 là quá hạn 01 tháng 17 ngày, vi phạm khoản 10 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ.

- Căn cứ vào Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán, quy định về nguyên tắc xử lý đối với tội tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ, đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt đối với bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo O đề nghị miễn hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Võ Thị Thuý O làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về việc rút kháng cáo của bị cáo Trương Thị Th. Q: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo Q đã tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Về nội dung kháng cáo:

[3.1] Về tội danh:

Nhận thấy, Võ Thị Thuý O và Trương Thị Th. Q là những người được Cơ quan quản lý có thẩm quyền bổ nhiệm, điều động lần lượt giữ chức Hiệu trưởng và Kế toán trưởng của Trường THCS NBK. Trong khoảng thời gian từ 2014 - 2015, Q đã hai lần tham mưu, chủ động lập khống các chứng từ, thể hiện việc sơn sửa trường học, mua các thiết bị máy tính phục vụ cho việc giảng dạy, trình O ký để rút từ Ngân sách Nhà nước, không nhập sổ quỹ của đơn vị mà để tiêu xài cá nhân với số tiền 175.700.000 đồng. Hành vi của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sở hữu tài sản của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của nhà trường, gây dư luận xấu trong xã hội. Với hành vi nêu trên, Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo O về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại các điểm c, d khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan, sai.

Ý kiến của bị cáo, của Luật sư cho rằng hành vi của bị cáo bị xử lý đến hai lần, việc rút lại quyết định xử phạt vi phạm hành chính quá hạn luật định và khi khởi tố vụ án không ban hành quyết định huỷ quyết định không khởi tố vụ án là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi các lý do sau đây: Khi xác định vụ việc có dấu hiệu phạm tội, Cơ quan điều tra đã có văn bản yêu cầu và UBND thị xã GN đã có Quyết định số 1050/QĐ-UBND về việc huỷ bỏ Quyết định số 833/QĐ-XPVPHC. Công văn số 555/CV-CQCSĐT(CSKT) ngày 05/9/2016 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đắk Nông chỉ là văn bản hành chính trao đổi đường lối xử lý vi phạm, không phải là quyết định không khởi tố vụ án nên khi khởi tố vụ án thì không cần thiết phải ban hành quyết định huỷ quyết định không khởi tố vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo O còn trong thời hiệu truy tố trách nhiệm hình sự nên việc thu hồi quyết định xử phạt hành chính phải được điều chỉnh theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ.

[3.2] Về hình phạt: Ngoài các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xét thấy bị cáo có bà ngoại là Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng, 02 cậu ruột là Liệt sỹ, trong quá trình công tác bị cáo được tặng thưởng nhiều giấy khen, bằng khen nên cần áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm v, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Mặt khác, sau khi bị phát hiện, bị cáo đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả của vụ án. Do đó, cần áp dụng điểm d khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán, quy định về nguyên tắc xử lý đối với tội tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu kháng cáo của bị cáo về việc miễn hình phạt là không có căn cứ để chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm

nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo O không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trương Thị Th. Q.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thị Thuý O. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2019/HS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

[1] Tuyên bố: Bị cáo Võ Thị Th. O phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 353, các điểm b, s, v, x khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, điểm d khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán, quy định về nguyên tắc xử lý đối với tội tham nhũng, tội phạm khác về chức vụ,

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Th. O 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2018 đến ngày 12/10/2018.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo O không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.